

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**BỘ TÀI NGUYÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 48/2015/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2015

THÔNG TƯ**Quy định về quản lý, cung cấp và khai thác, sử dụng
thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ**

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định về quản lý, cung cấp và khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định về quản lý, cung cấp và khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ.

2. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, cung cấp và khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Thông tư này không áp dụng đối với các thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ do Bộ Quốc phòng thực hiện phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh.

Điều 2. Hệ thống thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ

Hệ thống thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 45/2015/NĐ-CP).

Chương II

QUẢN LÝ THÔNG TIN, DỮ LIỆU ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Điều 3. Trách nhiệm quản lý thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ

1. Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam có trách nhiệm:

a) Giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Sở Tài nguyên và Môi trường) về nghiệp vụ thu thập, quản lý, cung cấp, khai thác sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ;

c) Quản lý thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8 Điều 21 Nghị định số 45/2015/NĐ-CP;

d) Tổ chức việc thu thập thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm quản lý, lưu trữ thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ về hệ thống điểm đo đạc cơ sở, bản đồ địa hình, bản đồ địa chính, bản đồ hành chính cấp huyện, các loại bản đồ chuyên đề, cơ sở dữ liệu địa lý và hệ thống thông tin địa lý phục vụ cho mục đích chuyên dụng của địa phương và các thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ khác do Bộ Tài nguyên và Môi trường bàn giao.

3. Cơ quan thông tin, lưu trữ thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi chung là Bộ) có trách nhiệm quản lý, lưu trữ thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

4. Các cơ quan quy định tại Khoản 1, 2 và 3 Điều này có trách nhiệm phát hành và đăng tải danh mục thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý trên trang thông tin điện tử của cơ quan mình. Danh mục thông tin, dữ liệu phải được cập nhật hàng năm.

Điều 4. Giao nộp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ cơ bản

Thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ cơ bản quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 21 Nghị định số 45/2015/NĐ-CP, sau khi hoàn thành công trình, dự án, đơn vị thi công có trách nhiệm giao nộp sản phẩm cho Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam như sau:

1. Thông tin, dữ liệu quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 45/2015/NĐ-CP giao nộp toàn bộ sản phẩm và hồ sơ kèm theo như quy định của thiết kế kỹ thuật - dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Thông tin, dữ liệu quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 45/2015/NĐ-CP giao nộp:

a) Sơ đồ lưới, ghi chú điểm, số đo; thành quả tính toán bình sai dạng tệp dữ liệu *.pdf;

- b) Biên bản bàn giao dấu mốc tại thực địa;
- c) Thiết kế kỹ thuật - dự toán, hồ sơ nghiệm thu công trình cấp chủ đầu tư.

3. Thông tin, dữ liệu quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 45/2015/NĐ-CP giao nộp:

- a) Các tệp dữ liệu ảnh chụp;
- b) Các tệp dữ liệu về tham số máy chụp ảnh và các thông tin liên quan;
- c) Các tệp dữ liệu quét laser đã xử lý;
- d) Bản dự án, báo cáo tổng kết dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt dạng giấy và dạng số.

4. Thông tin, dữ liệu quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 45/2015/NĐ-CP giao nộp:

- a) Các tệp dữ liệu bản đồ địa hình gốc dạng số, bản đồ nền và dữ liệu biên tập phục vụ chế in (nếu có) kèm theo các tệp dữ liệu lý lịch bản đồ;
- b) Các tệp dữ liệu tầng dày khối đo vẽ ảnh (project khu đo - nếu bản đồ được thành lập bằng công nghệ ảnh số);
- c) Các tệp dữ liệu bản đồ địa chính cơ sở, bản đồ hành chính toàn quốc và cấp tỉnh, át-lát địa lý quốc gia;
- d) Hồ sơ và bản đồ về biên giới quốc gia;
- đ) Hồ sơ và bản đồ địa giới hành chính;
- e) Bản dự án, báo cáo tổng kết dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt dạng giấy và dạng số.

5. Thông tin, dữ liệu quy định tại khoản 5 Điều 21 Nghị định số 45/2015/NĐ-CP giao nộp:

- a) Cơ sở dữ liệu địa lý được đóng gói theo quy định và siêu dữ liệu;
- b) Dữ liệu mô hình số độ cao dạng vector, dạng raster và siêu dữ liệu;
- c) Bản dự án, báo cáo tổng kết dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt dạng giấy và dạng số.

6. Thông tin, dữ liệu quy định tại khoản 6 Điều 21 Nghị định số 45/2015/NĐ-CP giao nộp:

- a) Tập Danh mục địa danh cấp tỉnh đã thống nhất với địa phương kèm theo dạng tệp dữ liệu *.pdf và cơ sở dữ liệu;
- b) Cơ sở dữ liệu địa danh hành chính kèm theo danh mục địa danh dạng tệp dữ liệu *.pdf và cơ sở dữ liệu;
- c) Cơ sở dữ liệu địa danh quốc tế kèm theo danh mục địa danh dạng tệp dữ liệu *.pdf và cơ sở dữ liệu;
- d) Bản dự án, báo cáo tổng kết dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt dạng giấy và dạng số.

Điều 5. Giao nộp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ chuyên ngành

1. Thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ chuyên ngành do các Bộ thực hiện từ nguồn vốn ngân sách trung ương, giao nộp theo quy định của Bộ chủ quản đồng thời đơn vị thi công có trách nhiệm giao nộp cho Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam một (01) bản sao các sản phẩm sau:

- a) Thành quả tọa độ, độ cao, ghi chú điểm, biên bản bàn giao dấu mốc tại thực địa của các điểm tọa độ và độ cao từ hạng IV trở lên;
- b) Dữ liệu bản đồ địa hình các tỉ lệ khu vực đo vẽ có diện tích từ 1.25km² trở lên;
- c) Dữ liệu thành quả đo vẽ mặt cắt sông, hồ.

2. Thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ chuyên ngành quy định tại Điểm c Khoản 7 Điều 21 Nghị định số 45/2015/NĐ-CP, giao nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan khác theo quy định của pháp luật liên quan.

3. Thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ chuyên ngành khác thực hiện từ nguồn ngân sách địa phương, thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ chuyên ngành do tổ chức, cá nhân tự bảo đảm kinh phí thực hiện, giao nộp theo quy định của pháp luật chuyên ngành đồng thời đơn vị thi công có trách nhiệm giao nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường một (01) bản sao các sản phẩm quy định tại Khoản 1 Điều này.

4. Thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ do các tổ chức, cá nhân nước ngoài trực tiếp hoặc hợp tác với tổ chức, cá nhân trong nước thực hiện ở Việt Nam sau khi hoàn thành dự án, có trách nhiệm giao nộp cho Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và cho Sở Tài nguyên và Môi trường nơi thực hiện công trình đo đạc một (01) bản sao dữ liệu sản phẩm cuối cùng.

Điều 6. Trình tự giao nộp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ

1. Sản phẩm giao nộp phải được thủ trưởng cơ quan chủ đầu tư, thủ trưởng đơn vị thi công, đơn vị kiểm định chất lượng và các cấp có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật liên quan ký tên, đóng dấu xác nhận.

2. Tổ chức có trách nhiệm giao nộp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thông báo bằng văn bản về việc giao nộp cho cơ quan có trách nhiệm tiếp nhận. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo, cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm tổ chức việc giao nhận và tạo điều kiện thuận lợi về địa điểm, phương thức giao nhận.

3. Việc giao nhận thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ được lập thành biên bản giao nộp theo mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư này để làm căn cứ quyết toán các công trình, dự án đo đạc và bản đồ.

Điều 7. Bảo quản thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ

1. Thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ phải được bảo quản an toàn trong kho lưu trữ.

2. Thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ độ Tối mật và độ Mật phải được bảo quản trong kho chuyên dụng.

3. Thông tin, dữ liệu dạng số phải lưu bản gốc trên đĩa quang (CD, DVD). Thông tin, dữ liệu lưu trữ trên các thiết bị tin học phải sao lưu mười hai (12) tháng một (01) lần và sao thành hai (02) bộ dự phòng.

Điều 8. Tiêu hủy dữ liệu đo đạc và bản đồ

1. Hàng năm thủ trưởng cơ quan có chức năng quản lý việc lưu trữ và cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ phải xem xét, đề xuất việc tiêu hủy các loại thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ đã hết giá trị sử dụng và lập tờ trình (bao gồm danh mục, số lượng, lý do cần tiêu hủy) gửi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định việc tiêu hủy.

2. Các thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ hết giá trị sử dụng là những thông tin, dữ liệu đã được lưu trữ và sử dụng trong thời hạn ít nhất là mười (10) năm, đã có dữ liệu mới thay thế và không còn giá trị sử dụng vào bất kỳ mục đích nào khác.

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ trình, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định việc tiêu hủy thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ có trách nhiệm xem xét và quyết định.

4. Trong thời hạn không quá mười lăm (15) ngày làm việc kể từ khi nhận được quyết định về việc tiêu hủy thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ, cơ quan quản lý việc lưu trữ thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ có trách nhiệm thành lập hội đồng tiêu hủy thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ; hội đồng gồm có đại diện lãnh đạo của cơ quan quản lý, đại diện lãnh đạo của cơ quan lưu trữ thông tin, dữ liệu, đại diện Bộ Công an có trách nhiệm trực tiếp theo dõi ngành đối với thông tin, dữ liệu do Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam quản lý, đại diện Sở Công an đối với thông tin, dữ liệu do Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý. Thành viên của hội đồng do Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam, lãnh đạo Bộ, ngành, địa phương quyết định.

5. Việc tiêu hủy thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ đã hết giá trị sử dụng phải thực hiện bằng các phương pháp đảm bảo không thể phục hồi, phục chế lại.

6. Việc tiêu hủy thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ đã hết giá trị sử dụng phải được lập thành hồ sơ; hồ sơ bao gồm:

- a) Quyết định thành lập Hội đồng;
- b) Danh mục tài liệu hết giá trị; tờ trình và bản thuyết minh tài liệu hết giá trị;
- c) Biên bản họp Hội đồng xác định giá trị tài liệu. Biên bản họp Hội đồng thẩm tra xác định giá trị tài liệu;
- d) Văn bản đề nghị thẩm định, xin ý kiến của cơ quan, tổ chức có tài liệu hết giá trị;
- đ) Văn bản thẩm định, cho ý kiến của cơ quan có thẩm quyền;
- e) Quyết định hủy tài liệu hết giá trị;
- g) Biên bản bàn giao tài liệu hủy;
- h) Biên bản hủy tài liệu hết giá trị.